

Bản án số: 116/2023/HS-PT
Ngày: 29 tháng 9 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ, Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 189/2023/TLPT-HS ngày 05 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị Đ, do có kháng cáo của bị cáo Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2023/HS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1967; nơi sinh: huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Số E, tổ B, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: Không biết chữ; cha ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1932 (đã chết) và mẹ Trần Thị C1, sinh năm 1935; chồng là Phạm Thành D, sinh năm 1965; Con 04 người; con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh năm 1998; A, chị, em ruột: 07 người, bị cáo là người thứ sáu.

Nhân thân bị cáo: Từ nhỏ sống chung với cha mẹ, không được đi học, ở nhà sinh sống bằng nghề mua bán. Năm 1984, có chồng tên Phạm Thành D và có 04 con chung.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Thị Đ đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 02 tháng 7 năm 2023 cho đến ngày 29 tháng 7 năm 2023. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1981 và Phan Thị N, sinh năm 1990. (có mặt)

Cùng cư trú: Số E, tổ B, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- Người làm chứng:

1. Ngô Thị Đ1, sinh năm 1986. (vắng mặt)
2. Phạm Thành D, sinh năm 1965. (vắng mặt)
3. Lê Thị N1, sinh năm 1957. (vắng mặt)
4. Trần Thị Kim Á, sinh năm 1995. (vắng mặt)
5. Trần Thị C2, sinh năm 1970. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 10/01/2023, Nguyễn Thị Đ phát hiện nhà của Phan Thị N cặp vách nhà của Đ không đóng cửa và không có người trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. Quan sát xung quanh không thấy ai, Đ đi qua nhà của N rồi đi vào phòng ngủ dùng tay mở cửa hộc tủ giường ngủ lấy trộm số tiền 5.000.000 đồng và 05 chiếc vòng đeo tay vàng 18 kara trọng lượng 3,225 chỉ rồi mang đến tiệm vàng “*Vạn Kim Ngân*” do Ngô Thị Đ1 làm chủ bán được 9.350.000 đồng. Số tiền có được Đ mang trả nợ cho Lê Thị N1 1.000.000 đồng, Trần Thị Kim Á 1.000.000 đồng, số tiền còn lại Đ cất giữ. Riêng N khi phát hiện bị mất trộm tiền, vàng nên đến Công an xã B trình báo sự việc.

Ngày 12/4/2023, Nguyễn Thị Đ bị khởi tố điều tra.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS ngày 24/3/2023 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, kết luận: 05 chiếc vòng đeo tay, loại vàng 18 kara, có tổng trọng lượng 3,225 chỉ, trị giá 10.948.000 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C thu giữ: 01 USB (lưu trữ hình ảnh liên quan việc Đ vào nhà N lấy trộm tài sản và khi bán vàng).

Bị hại ông Huỳnh Văn T, bà Phan Thị N trình bày phù hợp với nội dung vụ án. Sau khi sự việc xảy ra Nguyễn Thị Đ có đến gia đình thỏa thuận bồi thường tổng cộng 16.500.000 đồng, ông Huỳnh Văn T, bà Phan Thị N đã nhận 16.500.000 đồng và không yêu cầu bồi thường thêm.

Người làm chứng:

- Ngô Thị Đ1 trình bày: Ngày 10/01/2023, Nguyễn Thị Đ có mang đến tiệm vàng “*Vạn Kim Ngân*” của Đó bán 05 chiếc vòng vàng 18 kara với số tiền 9.350.000 đồng, Đ1 không biết vàng do trộm cắp mà có.

- Các ông bà Phạm Thành D, Lê Thị N1, Trần Thị Kim Á, Trần Thị C2, trình bày phù hợp với nội dung vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Thị Đ khai nhận hành vi phạm tội phù hợp nội dung vụ án và lời khai của bị hại; người làm chứng; kết luận định giá tài sản; các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số: 17/CT-VKSCP-HS Ngày 29/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú truy tố Nguyễn Thị Đ ra trước Tòa án nhân dân huyện Châu

Phú, tỉnh An Giang về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2023/HS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đã xử:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Đ 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106, Điều 107 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 USB (lưu trữ hình ảnh liên quan việc Đ vào nhà N lấy trộm tài sản và khi bán vàng).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 09/8/2023, bị cáo Nguyễn Thị Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; xin cho hưởng án treo;

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Bị cáo Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và cấp sơ thẩm xét xử là đúng tội, không bị oan, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo; bị hại thì yêu cầu xét xử đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

Về thủ tục kháng cáo của bị cáo Đ hợp lệ, đúng hạn nên xem xét theo thủ tục phúc thẩm;

Về nội dung kháng cáo của bị cáo Đ: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo 07 tháng tù là có căn cứ đúng pháp luật;

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo Đ có thân nhân tốt, có nơi ở ổn định, nơi cư trú rõ ràng; tại cấp sơ thẩm bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường hết cho bị hại; nhận thức pháp luật hạn chế; thật thà khai báo, ăn năn hối cải.

Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Đ về việc xin giảm nhẹ hình phạt; cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo Đ 07 tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”; thời gian thử thách 01 năm 02 tháng; giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; các phần còn lại giữ y án sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị cáo Đ trong thời hạn luật định; Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận để giải quyết theo trình tự phúc thẩm;

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng; tuy nhiên những người này đã có lời khai rõ ràng tại Cơ quan điều tra; sự vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử; căn cứ vào Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt theo thủ tục chung;

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đ thừa nhận hoàn toàn hành vi phạm tội của mình và cho rằng cấp sơ thẩm xử bị cáo tội “Trộm cắp tài sản” là đúng tội, không oan, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo; thấy rằng lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với những chứng cứ khác như; lời khai bị hại và người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; là khoảng 07 giờ ngày 10/01/2023, Nguyễn Thị Đ phát hiện nhà của Phan Thị N cặp vách nhà của Đ không đóng cửa và không có người trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản để bán lấy tiền tiêu xài; Đ đi qua nhà của N rồi đi vào phòng ngủ dùng tay mở cửa hộc tủ giường ngủ lấy trộm số tiền 5.000.000 đồng và 05 chiếc vòng đeo tay vàng 18 kara trọng lượng 3,225 chỉ rồi mang đến tiệm vàng “*Vạn Kim Ngân*” do Ngô Thị Đ1 làm chủ bán được 9.350.000 đồng;

[4] Có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu thực hiện hành vi lén lút lấy trộm số tài sản của bị hại với tổng giá trị là 15.960.000đ; hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; *[khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm]*; cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật;

[5] Xét yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt thì thấy, Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; bị cáo cũng hiểu rõ hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền sở hữu của người khác, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương; gây dư luận xấu trong xã hội. Cấp sơ thẩm áp dụng điểm

b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo mức án 07 tháng tù là đúng pháp luật.

[6] Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và nghề nghiệp bán bánh tại nhà; bị cáo là Phụ Nữ, không biết chữ nhận thức pháp luật hạn chế; bồi thường toàn bộ tiền cho bị hại; bị cáo đã thực sự hối hận và quyết tâm sửa chữa lỗi lầm, thể hiện có khả năng tự cải tạo nên việc bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù là không cần thiết và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự xã hội tại địa phương; hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự, được hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Có căn cứ để Hội đồng xét xử quyết định cho bị cáo Đ được hưởng án treo như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa; thời gian thử thách tại địa phương, cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

[7] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Đ về việc xin cho hưởng án treo;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2023/HS-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

[1] Xử phạt: Nguyễn Thị Đ : 07 (bảy) tháng tù; nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 02 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực ngày 29/9/2023.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Đ cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 107 của Bộ luật tố tụng hình.

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 USB (lưu trữ hình ảnh liên quan việc Đ vào nhà N lấy trộm tài sản và khi bán vàng).

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) .

- Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Đ không phải chịu;

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2023/HS-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

(Đã giải thích chế độ án treo cho bị cáo Đ)

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- TAND huyện Châu Phú (2);
- Công an huyện Châu Phú (1);
- Chi cục THADS - huyện Châu Phú (1);
- Bị cáo (1);
- Đại diện bị hại (1);
- Phòng KTNV và THA (1);
- PV 06 (1);
- Văn phòng (2);
- Lưu Tòa, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn